

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày 14 - 7 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hòa - Giáo viên nghỉ hưu tại phường Ba Đồn

2. Ông Nguyễn Vĩnh Quý - Bí thư Thị đoàn Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HS ngày 30/6/2020, đối với bị cáo:

Trần Thế Q, sinh ngày 07/02/2004 tại phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Học sinh; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức C và bà Cao Thị L; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 26/3/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo dưới 18 tuổi:

Ông: Trần Đức C, sinh năm 1981 (Bố đẻ của bị cáo Q); nơi cư trú: tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thế Q:

Bà: Phan Thị Bích T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà: Trần Thị L, sinh năm 1964; nơi cư trú: tổ dân phố M, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh: Phạm Văn T, sinh ngày 04/6/2004; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của người làm chứng anh Phạm Văn T:*

Ông: Phạm Văn T, sinh năm 1966 (là bố đẻ của Phạm Văn T); nơi cư trú: tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Đại diện cơ sở giáo dục - Trung tâm giáo dục dạy nghề thị xã B, tỉnh Quảng Bình:* Anh: Trần Đức P – Phó bí thư đoàn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 13 tháng 3 năm 2020, Trần Thế Q khi đang ở nhà thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Q đi bộ ngang qua nhà chị Nguyễn Thị T ở tổ dân phố T, phường T, thị xã B, Q nhìn thấy cổng nhà chị T không khóa, nhà lại không có người và giữa sân còn có 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 73P1 - 2852 đang có chìa khóa xe cắm ở ổ khóa điện của xe nên đã lập tức nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô này. Q nhanh chóng đến vị trí dựng xe, đẩy xe ra ngoài cách sân khoảng 100m rồi nổ máy khởi động xe sau đó điều khiển xe đến gửi tại nhà chị Trần Thị L thuộc tổ dân phố M, phường T, thị xã B.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã tạm giữ và giao trả tài sản cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, sơn màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 73P1 - 2852. Sau khi nhận lại tài sản, chị T không khiếu nại hay yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12/HĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thị xã B xác định: Tài sản định giá là

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, sơn màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 73P1 - 2852 có trị giá tại thời điểm định giá là 5.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKSTXBĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố bị cáo Trần Thế Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Thế Q và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 91 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Trần Thế Q từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về việc xác định tội danh; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Bộ luật Hình sự mà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã nêu. Tuy nhiên, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử và đại diện Viện kiểm sát áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với mức hình phạt là 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật đồng ý với quan điểm của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì với Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thế Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện: Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị T, bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, sơn màu đỏ - đen

- bạc, biển kiểm soát 73P1 - 2852 nhằm mục đích đem bán lấy tiền tiêu xài, phục vụ nhu cầu cá nhân. Trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại theo kết luận của cơ quan chuyên môn tại thời điểm mất trộm là 5.000.000 đồng. Như vậy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là hoàn toàn thống nhất, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được tại hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để kết luận: bị cáo Trần Thế Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân. Bị cáo tuy là người chưa thành niên, bị hạn chế khả năng nhận thức pháp luật nhưng bị cáo vẫn đủ khả năng để nhận thức được hậu quả của hành vi mà bị cáo gây ra, song bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương ứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra.

[4] Liên quan trong vụ án có chị Trần Thị L là người cho bị cáo gửi chiếc xe mô tô. Tuy nhiên, do khi gửi, chị L không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không cấu thành tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B chỉ răn đe, nhắc nhở, giáo dục là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Phạm Văn T, sau khi bị cáo gửi xe tại nhà chị L, bị cáo có nhờ T chở về nhà. Song, T cũng không biết việc bị cáo trộm cắp tài sản và đưa tài sản trộm cắp được gửi ở nhà chị L nên hành vi của T cũng không cấu thành tội phạm. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B chỉ răn đe, nhắc nhở, giáo dục là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy:

Bị cáo là người có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gây thiệt hại không lớn; bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i; h, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt áp dụng:

Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần căn cứ vào Điều 36 của Bộ luật

Hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao về chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là cũng đủ nghiêm và phù hợp với chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Mặt khác, bị cáo hiện đang là học sinh, không có thu nhập, sống phụ thuộc vào gia nên không áp dụng biện pháp khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

[7] Về ý kiến tranh luận của người bào chữa:

Xét thấy đề nghị của người bào chữa về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Phía người bị hại là chị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[9] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B đã tiến hành thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu là bị hại là chị T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 73P1 - 2852. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không phải xem xét thêm.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Thế Q phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 91 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thế Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thế Q 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định.

Giao bị cáo Trần Thế Q cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng với gia đình để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thế Q phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Đối với người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật (Đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn

